

Bản án số: **30/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30/6/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1997; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 63, đường P, tổ dân phố 6, thị xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn T1, sinh năm 1994; ĐKKHKT và trú tại: xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Trương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã L tháng 10 năm 2017 là quê của anh T1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 14A, xã L, huyện K. Sau một thời gian ngắn chung sống hòa thuận đã phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, lối sống vợ chồng không hòa hợp. Bên cạnh đó chị phát hiện anh T1 chơi bời không lành mạnh, không tu chí làm ăn chăm lo gia đình. Chị và gia đình hai bên đã giải thích, khuyên giải để vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy con cái nhưng anh T1 không thay đổi, do vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Do không thể chịu đựng được, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà

63, đường P, tổ dân phố 6, thị xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Trương Ngọc Bảo A sinh ngày 14/3/2018, khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc đi làm không thể tham gia phiên tòa, chị Lê Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Qua biên bản xác minh ngày 13/4/2022 và Biên bản sự việc ngày 16/5/2022 tại gia đình anh T1: Bà Vũ Thị S - mẹ anh T1 cho biết anh T1 hiện có mặt tại địa phương. Anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh T1 cũng cho bà biết quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Do công việc và tính cách nên anh T1 không tham gia tố tụng mà kệ chị T làm thủ tục ly hôn vắng mặt anh.

Về con chung: Gia đình anh T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Trương Ngọc Bảo A sinh ngày 14/3/2018, hiện đang ở với chị T ở Lâm Đồng, khi ly hôn, gia đình anh T1 để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Khi nào chị T không đủ khả năng nuôi cháu thì gia đình anh T1 và anh T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn và cũng không muốn gặp chị T nên anh T1 cũng sẽ không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia xét xử được, vì vậy anh T1 có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14:

Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn T1;

Giao chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trương Ngọc Bảo A sinh ngày 14/3/2018 đến khi thành niên; anh Trương Văn T1 không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị T;

Chị Lê Thị Thanh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trương Văn T1, cư trú tại xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T do bận công việc nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã L, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng do tính tình, lối sống vợ chồng không hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Bên cạnh đó chị phát hiện anh T1 chơi bời không lành mạnh, không tu chí làm ăn chăm lo gia đình nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 63, đường P, tổ dân phố 6, thị xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về phía anh T1, anh T1 có mặt tại nơi cư trú nhưng anh có thái độ không hợp tác trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T1 không đến Tòa án để trình bày quan điểm, không chủ động hoà giải với chị T cũng như không tham gia hoà giải tại Tòa án cho thấy anh T1 có ý bỏ mặc quan hệ hôn nhân không còn muốn quay về chung sống với chị T nữa.

Khi làm việc với mẹ anh T1 là bà Vũ Thị S cung cấp: Anh T1 có nói với bà là anh không muốn gặp chị T còn việc chị T đề nghị giải quyết ly hôn thì tuy chị T anh cũng đồng ý ly hôn. Quan điểm của bà S cũng nhất trí ý kiến của anh T1 vì cả hai ly thân nhau nhiều năm nay không ai còn quan tâm đến nhau. Chị T cũng đã gặp gia đình bà nói chuyện không thể quay lại chung sống với anh T1 được nữa, hai bên không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh T1 cho hai bên ly hôn để ổn định của sống.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn T1 tại UBND xã L là nơi anh T1 cư trú, thì chính quyền địa phương xác nhận chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2018, không còn chung sống với anh T1 nữa.

Như vậy từ trình bày và thái độ của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy chị T không còn muốn quay về chung sống với anh T1 nữa và anh T1 cũng bỏ mặc, không chủ động hoà giải với chị T cũng như không tham gia hoà giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn với anh T1 là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Quá trình bày của chị Lê Thị Thanh T và xác minh tại địa phương thì xác định vợ chồng chị T và anh T1 có 01 con chung là Trương Ngọc Bảo A sinh ngày 14/3/2018.

Về phía chị T, chị yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và không yêu cầu anh T1 đóng góp tiền nuôi con cho chị; Về phía anh T1, thông qua bà S mẹ đẻ anh T1 cũng nhất trí để chị T nuôi con và anh T1 không phải đóng góp tiền nuôi con. Nếu chị T không nuôi được thì đưa con về cho anh T1 và gia đình bà S nuôi.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh T1; mặc dù được giải thích nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì việc giao chị T tiếp tục nuôi con chung và anh T1 không phải đóng góp tiền nuôi con của chị T đề xuất là phù hợp

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn T1 đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn T1.

2/ Về con chung: Giao chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trương Ngọc Bảo A sinh ngày 14/3/2018 đến khi thành niên.

Anh T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 4544 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh